TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 06 tháng 02 năm 2018
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Hường;
2. Ông: Nguyễn Huy Thành.

Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Chí – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:

Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2017/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018.

Nguyên đơn: Anh Trần K, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Xóm T, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: Xóm T, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2017 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Trần K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị N, trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 25/11/2010, anh, chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai bên ở chung với bố mẹ anh K tại xóm T, xã M. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc.

Tháng 10/2012, anh K đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, đến tháng 06/2014, chị N tự ý bỏ đi làm việc tại Thành phố V, tỉnh P mà không được sự đồng ý của gia đình anh. Tháng 11/2016, anh K xin nghỉ phép về nước để dàn xếp chuyện gia đình, anh yêu cầu chị N không được đi làm ở V, nhưng chị N không đồng ý. Kể từ đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Tháng 10/2017, anh K về nước, tuy nhiên tình cảm giữa vợ chồng không còn đầm ấm, hạnh phúc như trước. Tháng 11/2017, do mâu thuẫn căng thẳng, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở, hai bên sống ly thân từ thời điểm đó đến nay.

Anh, chị được gia đình khuyên bảo, khu dân cư hòa giải nhằm cải thiện quan hệ hôn nhân, nhưng hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn. Bởi vậy, anh K đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho anh ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 (một) con chung là cháu: Trần Bảo N, sinh ngày 05/9/2011. Khi ly hôn, anh K xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N và không yêu cầu chị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Xác định vợ chồng không có tài sản chung, tài sản riêng, không nợ ai và cũng không có công sức đóng góp gì cho hai bên gia đình nên khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Anh K đồng ý cấp dưỡng một lần cho chị N, mức cấp dưỡng là 10.000.000 VNĐ (mười triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng: sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 22/11/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Đinh Thị N trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị N xác nhận thời điểm kết hôn, thời gian vợ chung sống, thời gian ly thân như anh K đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ phía gia đình anh K nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên đã đuổi chị khỏi nhà. Việc chị đi làm ở Thành phố V là vì gia đình quá khó khăn hơn nữa anh K cũng đồng ý. Sau khi anh K về nước, không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu, xúc phạm chị nên chị mới bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở. Nay tình cảm giữa chị và anh K không còn, chị đồng ý ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị N xác nhận vợ chồng có con chung như anh K trình bày là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N xin nuôi cháu Trần Bảo N và yêu cầu anh K phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày hôm nay, chị N đồng ý để anh K nuôi cháu N, chị không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, tài sản riêng, không nợ ai và không có công sức đóng góp cho hai bên gia đình nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Hiện chị N có khó khăn về kinh tế, chị yêu cầu anh K phải cấp dưỡng một lần cho chị số tiền 50.000.000 VNĐ (năm mươi triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng là sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung giải quyết vụ án:

Anh K và chị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị N là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên

thống nhất xin được ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K và chị N.

Về con chung: Đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Trần Bảo N sinh ngày 05/9/2011 cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn, Bị đơn đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn và Bị đơn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng một lần của anh K đối với chị N là 10.000.000 đ (mười triệu đồng), bác một phần yêu cầu xin cấp dưỡng của chị N.

Về án phí dân sự, anh K phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Anh K có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho anh xin ly hôn với chị Đinh Thị N. Căn cứ khoản 1, Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 25/11/2010, anh Trần K và chị Đinh Thị N đã đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai bên ở chung với bố, mẹ anh K tại xóm T, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Sau khi anh K đi xuất khẩu lao động tại Malaysia vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không tin tưởng nhau, anh K cho rằng chị N tự ý bỏ nhà đi làm ở V, chị N cho rằng chị bị gia đình nhà chồng nghi ngờ có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên đã đuổi chị đi. Anh, chị đã ly thân từ tháng 11/2017 đến nay, kể từ thời điểm ly thân hai bên chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh K và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh, chị đều

thống nhất đề nghị được ly hôn. Bên cạnh đó, trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể nơi anh K, chị N cư trú cùng thống nhất quan điểm đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn giữa anh K và chị N.

Căn cứ vào những đánh giá, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K, chị N theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh K, chị N, có 01 (một) con chung là cháu: Trần Bảo N, sinh ngày 05/9/2011. Khi ly hôn, hai bên thống nhất, anh K được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N, chị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn, Bị đơn đều khẳng định rằng cháu N hiện đang học tập, sinh sống ổn định, cháu lớn lên trong sự đùm bọc, yêu thương của gia đình anh K. Xét việc xin nuôi con của anh K và nguyện vọng của chị N là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Khi anh K, chị N có yêu cầu thay đổi người nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ của vợ chồng: Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, anh K, chị N đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, tài sản riêng, không nợ ai, không có công sức đóng góp cho hai bên gia đình nên khi ly hôn, anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do cả Nguyên đơn và Bị đơn đều khẳng định trong thời gian kết hôn hai bên không có tài sản chung, tài sản riêng, không phát sinh công nợ và công sức đóng góp. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn, Bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Anh K đồng ý cấp dưỡng một lần cho chị N, mức cấp dưỡng là 10.000.000 VNĐ (mười triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật. Chị N không đồng ý, chị yêu cầu anh K cấp dưỡng một lần cho chị, mức cấp dưỡng là 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng).

Xét yêu cầu của Nguyên đơn, Bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Việc chị N có yêu cầu anh K cấp dưỡng cho chị là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng chị yêu cầu là cao so với khả năng của anh K và nhu cầu thiết yếu của chị.

Tại khoản 24, Điều 3 Luật hôn nhân gia đình đã quy định về cấp dưỡng *"là việc một người có nghĩa vụ đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không sống chung với mình…"*. Bên cạnh đó, tại khoản 20 của điều luật này cũng giải thích về nhu cầu thiết yếu là *"nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình"*. Như vậy, bản chất của cấp dưỡng giữa vợ, chồng sau khi ly hôn là sự hỗ trợ để giúp giải quyết bớt một phần khó khăn chứ không phải là khoản tiền bên có nghĩa vụ cấp dưỡng phải thay bên cấp dưỡng giải quyết toàn bộ khó khăn.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, chị N đều thừa nhận hiện chị đang làm việc tại Thành phố V, thu nhập thấp nhưng ổn định. Bên cạnh đó, anh K tự nguyện hỗ trợ cho chị số tiền 10.000.000 đ (mười triệu đồng). Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng do anh K đưa ra và bác một phần yêu cầu cấp dưỡng của chị là phù hợp.

[6].Về án phí: Anh K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Anh K và chị N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 115, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, khoản 4, Điều 147, khoản 1, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5, điểm c, khoản 6 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Xử Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần K và chị Đinh Thị N.
2. **Về con chung:** Công nhận sự thỏa thuận giữa anh K và chị N, giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 05/9/2011 cho anh K chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên, có khả năng lao động tự túc. Chị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

   Khi anh K, chị N có yêu cầu thay đổi người nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nam thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác.
3. **Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:** Xác nhận anh K, chị N không có tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp cho hai bên gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. **Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng:** Bác một phần yêu cầu cấp dưỡng là 40.000.000 đ (bốn mươi triệu đồng) của chị N đối với anh K. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng một lần của anh K cho chị N là 10.000.000 đ (mười triệu đồng).

   5. **Án phí dân sự sơ thẩm:** Anh Trần K phải chịu 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm và 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Xác nhận anh K đã nộp là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2016/000737 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí. Anh K còn phải nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

   6. **Về quyền kháng cáo:** Anh K, chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

   Khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án mà anh K không tự nguyện thi hành án đối với số tiền phải thi hành án thì anh K phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án, mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi bổ sung ngày 25/11/2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Hà Giang

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã Minh Đài;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hà Giang